

**Phụ lục**  
**MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG QUY ĐỊNH SỐ 05/QyĐ-TSQS**  
**Quy định chỉ tiêu tuyển sinh và những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng**  
**hệ quân sự vào các trường trong quân đội năm 2021**  
*(Kèm theo báo cáo số 34/BC-TSQS ngày 15/3/2021)*

**1. Về công tác sơ tuyển**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào đào tạo đại học, cao đẳng quân sự phải qua sơ tuyển, có đủ tiêu chuẩn quy định của Bộ Quốc phòng (thanh niên ngoài quân đội sơ tuyển tại Ban TSQS các huyện, thị xã, thành phố; quân nhân tại ngũ sơ tuyển tại Ban TSQS Trung đoàn BB974).

- Thí sinh chỉ được đăng ký nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào một trường trong quân đội ngay từ khi làm hồ sơ sơ tuyển (nếu trường có nhiều ngành đào tạo, thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một ngành).

**2. Về công tác xét tuyển**

- Sau khi có kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, nếu muốn thay đổi nguyện vọng đăng ký xét tuyển, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đối với việc điều chỉnh đăng ký xét tuyển vào các trường Quân đội, cho phép thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển theo nhóm trường theo đúng vùng miền và đối tượng tuyển sinh như sau:

+ Nhóm 1: Gồm các học viện: Hậu cần, Hải quân, Biên phòng, Phòng Không - Không quân (*hệ Chỉ huy tham mưu*) và các trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Đặc công, Pháo binh, Tăng - Thiết giáp, Phòng hóa, Thông tin, Công binh.

+ Nhóm 2: Gồm các học viện: Kỹ thuật quân sự, Quân y, Khoa học quân sự, Phòng không - Không quân (*hệ Kỹ sư hàng không*).

- Điểm chuẩn tuyển sinh: thực hiện một điểm chuẩn chung với đối tượng thí sinh là quân nhân và thanh niên ngoài Quân đội; xác định điểm chuẩn riêng theo đối tượng Nam - Nữ (nếu trường có tuyển thí sinh nữ); theo thí sinh có hộ khẩu thường trú ở khu vực phía Bắc (từ Quảng Bình trở ra) hoặc phía Nam (từ Quảng Trị trở vào), hoặc theo từng Quân khu; thí sinh là quân nhân tại ngũ được xác định điểm tuyển theo hộ khẩu thường trú.

- Tiêu chí phụ trong xét tuyển: Trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau, số thí sinh trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu được giao, sử dụng điểm của các môn trong tổ hợp xét tuyển làm các tiêu chí phụ để xét tuyển.

- Thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào các học viện, trường trong Quân đội, sẽ được xét tuyển các nguyện vọng kế tiếp vào các trường ngoài Quân đội theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT

**3. Thông tin về các học viện, trường**

- Học viện Kỹ thuật quân sự: Chỉ tiêu **661** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **231**, xét tuyển thí sinh Nữ: **10**);

- Học viện Quân y: Chỉ tiêu **412** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **144**, xét tuyển thí sinh Nữ: **11**);
- Học viện Khoa học Quân sự: Chỉ tiêu **125**. Gồm các ngành:
  - + Trinh sát kỹ thuật: thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **13**;
  - + Ngôn ngữ Anh: **44** (thí sinh Nam: **40**, Nữ: **04**);
  - + Ngôn ngữ Nga: **15** (thí sinh Nam: **13**, Nữ: **02**);
  - + Ngôn ngữ Trung quốc: **15** (thí sinh Nam: **13**, Nữ: **02**).
- Học viện Hậu cần: Chỉ tiêu **355** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **124**);
- Học viện Biên phòng: Chỉ tiêu **202**. Gồm các ngành:
  - + Ngành Biên phòng: thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK5: **25**;
  - + Ngành Luật: thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **06**.
- Học viện PK-KQ: Chỉ tiêu **367**. Gồm các ngành:
  - + Kỹ thuật hàng không: thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **33**;
  - + CH-TM PK-KQ và TCDT: thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **95**
- Học viện Hải quân: Chỉ tiêu **412** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **69**);
- Trường Sĩ quan Chính trị: Chỉ tiêu **691** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **242**);
- Trường Sĩ quan Lục quân 2: Chỉ tiêu **534** (thí sinh có hộ khẩu thường trú ở QK5: **198**);
- Trường Sĩ quan Pháo binh: Chỉ tiêu **182** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **64**);
- Trường Sĩ quan Công binh: Chỉ tiêu **255** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **89**);
- Trường Sĩ quan Thông tin: Chỉ tiêu **395** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **138**);
- Trường Sĩ quan Không quân: Chỉ tiêu **170**. Gồm:
  - + Đào tạo đại học quân sự (Sĩ quan lái máy bay): **100**
  - + Đào tạo cao đẳng quân sự (ngành kỹ thuật hàng không): thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **35**
- Trường Sĩ quan Tăng-Thiết giáp: Chỉ tiêu **144** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **50**);
- Trường Sĩ quan Đặc công: Chỉ tiêu **60** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **21**);
- Trường Sĩ quan Phòng hóa: Chỉ tiêu **52** (thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: **18**);
- \* **Có 3 học viện tuyển Nữ:** Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y và Học viện Khoa học Quân sự

**Phụ lục**  
**MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG NGHỊ ĐỊNH 141/2020/NĐ-CP**  
**Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số**  
*(Kèm theo báo cáo số 34/BC-TSQS ngày 15/3/2021)*

**I. Bộ cục của Nghị định:** Nghị định gồm: 5 Chương 23 Điều. Cụ thể:

- Chương I: Quy định chung (Từ Điều 1 đến Điều 5);
- Chương II: Tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình, đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển (Từ Điều 6 đến Điều 11);
- Chương III: Xét tuyển, bố trí việc làm và bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo (Từ Điều 12 đến Điều 17);
- Chương IV: Tổ chức thực hiện (Từ Điều 18 đến Điều 20);
- Chương V: Điều khoản thi hành (Từ Điều 21 đến Điều 23).

**II. Một số nội dung chính**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chế độ cử tuyển đối với người học là người dân tộc thiểu số, bao gồm: đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình, đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển; xét tuyển, bố trí việc làm, bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển và tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người học là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển gồm:

- a) Người dân tộc thiểu số rất ít người.
- b) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

2. Các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên, trung cấp, cao đẳng, đại học; trường phổ thông dân tộc nội trú; trường dự bị đại học; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chế độ cử tuyển.

**Điều 4. Nguyên tắc cử tuyển**

- 1. Đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định.
- 2. Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.
- 3. Bảo đảm người đi học theo chế độ cử tuyển được xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

## **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển**

1. Người học theo chế độ cử tuyển có những quyền sau đây:

- a) Được thông tin đầy đủ về chế độ cử tuyển;
- b) Được cấp học bổng, miễn học phí và hưởng các chế độ ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian đào tạo;
- c) Được tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Người học theo chế độ cử tuyển có những nghĩa vụ sau đây:

- a) Cam kết trước khi được cử tuyển và chấp hành sự cam kết với cơ quan cử đi học trở về làm việc tại địa phương sau khi tốt nghiệp;
- b) Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục; hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- c) Bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 13 Nghị định này.

## **Điều 6. Tiêu chuẩn tuyển sinh theo chế độ cử tuyển**

1. Tiêu chuẩn chung

a) Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này;

b) Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển;

c) Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

2. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào đại học phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt;

c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên;

d) Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

3. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào cao đẳng phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt;

c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;

d) Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

4. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào trung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông;

b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học cuối đạt loại khá trở lên;

c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;

d) Có thời gian học đủ 04 năm học và tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

5. Ưu tiên trong tuyển sinh cử tuyển

Người học đạt đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh cử tuyển quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì được ưu tiên trong cử tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp theo thứ tự:

a) Con liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh;

b) Học tại trường phổ thông dân tộc nội trú;

c) Trúng tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp tại năm xét đi học cử tuyển;

d) Đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp huyện trở lên;

đ) Trường hợp người học thuộc đối tượng được hưởng nhiều ưu tiên đồng thời thì chỉ được hưởng một ưu tiên cao nhất trong tuyển sinh cử tuyển.

### **Điều 12. Xét tuyển và bố trí việc làm đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp**

1. Hằng năm, các cơ sở giáo dục gửi danh sách, bản giao hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và số biên chế công chức được giao đối với vị trí việc làm là cán bộ, công chức; căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập đối với vị trí việc làm là viên chức và căn cứ vào hồ sơ người học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp để xây dựng kế hoạch xét tuyển vào công chức, viên chức đối với người học theo chế độ cử tuyển.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tổ chức xét tuyển và bố trí việc làm đối với người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp theo quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức hoặc gửi hồ sơ tới các đơn vị, tổ chức khác có nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ xét tuyển và bố trí việc làm tối đa là 12 tháng, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ để xét tuyển.

### **Điều 13. Trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo**

Người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo:

1. Người tự thôi học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học, trừ các trường hợp tự thôi học do bất khả kháng.

2. Người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.

3. Người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều động ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.

4. Người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động.

### **Điều 16. Trả và thu hồi chi phí bồi hoàn**

1. Chậm nhất trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học cử tuyển có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn.

2. Chi phí bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước về quản lý khoản thu hồi nộp ngân sách.

3. Trường hợp người học không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bồi hoàn có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

## CÔNG TÁC TUYỂN SINH NĂM 2021

Năm 2021, các học viện, trường trong Quân đội tiếp tục thực hiện tuyển sinh theo phương án: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển sinh đại học, cao đẳng quân sự.

### \* MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý TRONG CÔNG TÁC TSQS NĂM 2021

1. Thực hiện tuyển sinh theo Thông tư số 22/2019/TT-BQP ngày 08/3/2019 của BQP Quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường trong Quân đội (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 28/2020/TT-BQP ngày 10/3/2020 và Thông tư số 64/2020/TT-BQP ngày 30/5/2020).

- Tuyển sinh theo chế độ cử tuyển đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số: thực hiện theo Nghị định 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

### 2. Các Học viện, Trường tuyển sinh

a) **Đào tạo đại học quân sự:** gồm 16 trường

- 07 Học viện: Kỹ thuật quân sự, Quân y, Biên phòng, Phòng không - Không quân, Khoa học quân sự, Hậu cần và Hải quân;

- 09 Trường sỹ quan: Lục quân 2, Chính trị, Pháo binh, Công binh, Thông tin, Không quân, Tăng Thiết giáp, Đặc công và Phòng Hóa.

b) **Đào tạo cao đẳng quân sự**

Gồm 01 trường: Trường Sĩ quan Không quân.

(Giảm 01 trường so với năm 2020: Trường Cao đẳng Công nghệ và Kỹ thuật Ôtô)

### 3. Vùng tuyển sinh

- Xác định điểm chuẩn và chỉ tiêu tuyển sinh theo địa bàn từng quân khu (trong tổng chỉ tiêu của trường):

+ Trường Sĩ quan Lục quân 2: Quân khu 5 = 37%;

+ Học viện Biên Phòng: Quân khu 5 = 14%.

+ Các học viện: Quân y, KTQS, Hậu cần, hải quân, PK-KQ và các trường sỹ quan: Chính trị, T-TG, Pháo binh, Phòng hóa, Đặc công, Công binh, Thông tin: Tuyển 35% chỉ tiêu thí sinh có hộ khẩu thường trú ở phía Nam (từ Quảng Trị trở vào phía Nam).

+ Học viện Khoa học Quân sự

- Ngành Trinh sát kỹ thuật tuyển: 25% chỉ tiêu thí sinh có hộ khẩu thường trú ở phía Nam;

- Các ngành đào tạo ngoại ngữ: Không phân chia theo vùng miền (Thực hiện

một điểm chuẩn chung cho cùng một đối tượng thí sinh Nam hoặc đối tượng thí sinh Nữ trong cả nước).

e) Trường Sĩ quan Không quân: Không phân chia theo vùng miền (Thực hiện một điểm chuẩn chung cho thí sinh Nam trong cả nước).

**\* Thí sinh được tính điểm chuẩn theo hộ khẩu thường trú phía Nam phải có đủ các điều kiện sau:**

- Có hộ khẩu thường trú từ tỉnh Quảng Trị trở vào;
- Thời gian có hộ khẩu thường trú từ tỉnh Quảng Trị trở vào (tính đến tháng 9 năm dự tuyển) phải đủ 3 năm thường trú liên tục trở lên;
- Có ít nhất năm lớp 12 học và dự thi tốt nghiệp THPT tại các tỉnh phía Nam.

#### **4. Về hồ sơ**

- Mỗi thí sinh làm 02 bộ hồ sơ riêng biệt:

+ 01 bộ hồ sơ đăng ký sơ tuyển: Do Ban TSQS Bộ Quốc phòng phát hành;

+ 01 bộ hồ sơ đăng ký dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT: Do Bộ GD&ĐT phát hành.

#### **5. Tiêu chuẩn tuyển sinh**

**a) Về độ tuổi của thí sinh (Tính đến năm dự tuyển)**

- Thanh niên ngoài Quân đội: Từ 17 đến 21 tuổi.

- Quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân: Từ 18 đến 23 tuổi.

**b) Tiêu chuẩn sức khỏe**

- Tuyển chọn thí sinh (cả nam và nữ) đạt Điểm 1 và Điểm 2 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 của liên Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP), theo các chỉ tiêu: Thể lực (trừ chiều cao, cân nặng có quy định riêng); mắt (trừ tật khúc xạ cận thị có quy định riêng); tai-mũi-họng; răng-hàm-mặt; nội khoa; tâm thần kinh; ngoại khoa; da liễu và sản phụ khoa (đối với nữ);

- Một số tiêu chuẩn quy định riêng cho từng đối tượng, như sau:

+ Các trường đào tạo sĩ quan chỉ huy, chính trị, hậu cần, gồm các học viện: Hậu cần, Phòng không - Không quân, Hải quân, Biên phòng và các trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Pháo binh, Công binh, Tăng - Thiết giáp, Thông tin, Đặc công, Phòng hóa:

\* Thể lực: Thí sinh Nam cao từ 1,65m trở lên, cân nặng từ 50kg trở lên.

\* Mắt: Không tuyển thí sinh mắc tật khúc xạ cận thị.

+ Các trường đào tạo sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, gồm các học viện: Kỹ thuật quân sự, Quân y, Khoa học quân sự, Hệ đào tạo Kỹ sư hàng không thuộc Học



viện Phòng không – Không quân; Hệ đào tạo Cao đẳng quân sự tại Trường Sĩ quan Không quân:

\* Thể lực: Thí sinh Nam cao từ 1,63m trở lên, cân nặng từ 50 kg trở lên; thí sinh Nữ (nếu có) phải đạt Điểm 1 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP (cao từ 1,54m trở lên, cân nặng từ 48 kg trở lên);

\* Mắt: Được tuyển thí sinh (cả Nam và Nữ) mắc tật khúc xạ cận thị không quá 3 di-ốp; kiểm tra thị lực sau chỉnh kính đạt Điểm 1 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP.

+ Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên thuộc khu vực 1, hải đảo và thí sinh là người dân tộc thiểu số, dự tuyển vào các trường: Được tuyển thí sinh (cả Nam và Nữ) có thể lực đạt Điểm 1 và Điểm 2 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP, nhưng thí sinh Nam phải đạt chiều cao từ 1,62m trở lên;

+ Thí sinh Nam là người dân tộc thiểu số thuộc 16 dân tộc rất ít người theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (gồm các dân tộc: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) dự tuyển vào tất cả các trường: Được lấy chiều cao từ 1,60m trở lên, các tiêu chuẩn khác thực hiện như đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số nói chung;

+ Đối tượng đào tạo Sĩ quan của các quân, binh chủng nếu tuyển chọn sức khỏe theo các tiêu chuẩn riêng vẫn phải bảo đảm tiêu chuẩn chung;

+ Tuyển sinh phi công tại Trường Sĩ quan Không quân, chỉ tuyển chọn thí sinh đã được Quân chủng Phòng Không - Không quân tổ chức khám tuyển sức khỏe, kết luận đủ điều kiện xét tuyển vào đào tạo phi công quân sự.

## **6. Thời gian**

### **a) Thời gian tổ chức sơ tuyển và đăng ký sơ tuyển**

Từ ngày 01/3/2021 đến ngày 25/4/2021.

### **b) Thời gian tổ chức khám sức khỏe cho thí sinh đăng ký sơ tuyển: 2 đợt**

+ Đợt 1: Vào tuần 3 và tuần 4 tháng 3 năm 2021;

+ Đợt 2: Vào tuần 2 tháng 4 năm 2021.

- Thời gian cụ thể do Ban TSQS các huyện, thị xã, thành phố và Trung đoàn BB974 bố trí cho phù hợp.

Sau khi khám sức khỏe đợt 2, trước khi kết thúc thời gian sơ tuyển (25/4/2021), nếu còn thí sinh đăng ký tham gia sơ tuyển, các địa phương, đơn vị tiếp tục tổ chức khám sức khỏe cho số thí sinh đăng ký sơ tuyển.

### **c) Thời gian bàn giao hồ sơ sơ tuyển**

- Ban TSQS các huyện, thị xã, thành phố và Trung đoàn BB974 tổng hợp,

bàn giao hồ sơ sơ tuyển và lệ phí về Ban TSQS tỉnh (qua Ban Quản lý) vào ngày **27/4/2021** (Thứ Ba);

- Bàn giao hồ sơ sơ tuyển về các trường thí sinh đăng ký sơ tuyển và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất): vào ngày **10/5/2021**.

Địa điểm: Số 18Bis, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Tuyển sinh liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng, từ Cao đẳng lên Đại học hệ vừa làm vừa học và Đại học văn bằng 2, thi trong 02 ngày: **Ngày 14 và 15 tháng 7 năm 2021**.